

Bản án số: **281/2021/HS-PT**

Ngày: 22-6-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vũ Thanh Liêm**

Các thẩm phán: Ông **Trương Minh Tuấn**

Ông **Mai Xuân Thành**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Văn Thị Mỹ Thảo**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Lê Ra**, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 156/2021/TLPT-HS ngày 15 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo **Nguyễn Thị Thu M** và các bị cáo khác về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 27/2020/HSST ngày 01/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thị Thu M, sinh năm 1989; tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: tỉnh Phú Yên; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Không; con ông Nguyễn Tấn Đ và bà Phan Thị A; có chồng Trần Văn H (đã ly hôn) và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo hiện đang tại ngoại; Có mặt.

2. Phạm Hữu Hoàng G (B); sinh năm 1995; tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: tỉnh Phú Yên; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Không; tôn giáo: Phật giáo; con ông Phạm Hữu H và bà Trần Thị H; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo hiện đang tại ngoại; Có mặt.

3. Trần Công L, sinh năm 1954; tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Khu phố L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Kinh doanh; con ông Trần Công P (chết) và bà Trương Thị K; có vợ Lê Thị K và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo hiện đang tại ngoại; Có mặt.

4. Trần Thị Nhật L1, sinh năm 1979; tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: thị xã S, tỉnh Phú Yên; trình độ văn hóa: 7/12; nghề nghiệp: Không; con ông Trần Văn Thảo và bà Nguyễn Thị L; có chồng Võ Nguyễn Hoàng S (đã ly hôn) và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo hiện đang tại ngoại; Có mặt.

5. Phạm Thị Thùy L2, sinh năm 1984; tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: thị xã S, tỉnh Phú Yên; trình độ văn hóa: 7/12; nghề nghiệp: Không; con ông Phạm Văn C (chết) và bà Nguyễn Thị L (chết); có chồng Trần Quốc T (đã ly hôn) và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo hiện đang tại ngoại; Vắng mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Thị Lệ H; những người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo; không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2010 đến 2015, Nguyễn Thị Lệ H, Hiệu trưởng Trường mầm non X 2 đã ký Hợp đồng liên kết cho vay cán bộ nhân viên của cơ quan với ngân hàng S C nhánh Phú Yên – Phòng giao dịch S (Ngân hàng S) và ngân hàng X Việt Nam C nhánh Bình Định (Ngân hàng X). Sau khi ký kết, H đã ký xác nhận cho nhiều giáo viên của trường và H vay tín chấp tại hai ngân hàng trên. Qua làm hồ sơ vay H phát hiện các ngân hàng cho vay thủ tục đơn giản, hồ sơ xin vay chỉ gồm giấy đề nghị vay vốn có xác nhận đóng dấu của Lãnh đạo đơn vị và Công đoàn trường, các tài liệu khác là bản phô tô nên H nảy sinh ý định làm giả hồ sơ cho người không phải là giáo viên vay tiền đưa lại cho H trả nợ và chi tiêu cá nhân. Từ tháng 7/2016 đến tháng 02/2018, H đã gặp 37 người gồm Dương Thị G; Nguyễn Thị T Q; Nguyễn Thị Mỹ A; Lương Thị M; Nguyễn Thị Thanh T; Nguyễn Thị N; Trần Thị T; Nguyễn Thị T; Nguyễn Thị T; Cù Thị C; Lê Thị L; Võ Thị G; Lê Thị T S; Trần Thị Thu T; Nguyễn Thị Bạch T; Ngô Thị L; Phạm Thị Thanh T; Nguyễn Thị H; Đoàn Thị Thanh N; Nguyễn Thị H; Nguyễn Thị H; Bùi Thị B; Nguyễn Thị D; Phan Thị L; Phan Thị S; Lương Thị T; Nguyễn Thị H; Nguyễn N P; Trương Thị H; Nguyễn Thị N; Nguyễn Thị Kiều N; Lê Thị K; Võ Thị N; Huỳnh Thị H P; Chế Thị X; Trần Thị Nhật L1; Phạm Thị Thùy L2. H nói cần tiền trả nợ, đầu tư nuôi tôm ốc nhưng vợ chồng H đã vay, hiện trường còn một vài suất cho giáo viên vay nên nếu đồng ý đứng tên giả là giáo viên của

trường vay tiền cho H thì H sẽ cho tiền công. H nói bản thân là Hiệu trưởng, chồng là giáo viên lương cao nên sẽ trả gốc lãi đầy đủ cho ngân hàng, do vậy những người trên đồng ý và đưa giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu cho H làm hồ sơ vay.

Sau khi có người đứng tên vay tiền, H lấy mẫu hồ sơ của ngân hàng hướng dẫn người vay điền thông tin và ký tên vào giấy đề nghị vay vốn rồi đưa lại cho H. H ký giả tên người thừa kế và ký xác nhận, đóng dấu vào các mục Lãnh đạo đơn vị, Ban chấp hành Công đoàn trường. H lập Bảng thanh toán tiền lương có tên người đứng vay rồi ký xác nhận, đóng dấu với tư cách là Hiệu trưởng. H photo sổ hộ khẩu và sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế của một số cán bộ lưu tại trường rồi xóa họ tên, địa chỉ, nghề nghiệp cắt dán chỉnh sửa photo lại cho phù hợp với thông tin người đứng tên vay. H lấy mẫu hình dấu của Trường mầm non X 2 tẩy xóa sửa lại thành hình dấu của Trường Tiểu học X 2. Đối với Quyết định về việc nâng lương cho cán bộ, công chức, viên chức, H lấy Quyết định mẫu lưu trong hồ sơ cán bộ tại trường đem đến cơ sở kinh doanh in màu Khánh L2 (do Trần Công L làm chủ cơ sở), thuộc phường X, thị xã S yêu cầu nhân viên tại tiệm (không xác định) làm giả Quyết định khác theo nội dung H cung cấp rồi in hoặc photo đưa cho H. Tổng cộng H đã làm giả 108 tài liệu, hình dấu của cơ quan, tổ chức, gồm: 56 Quyết định về việc nâng bậc lương cho cán bộ, công chức, viên chức; 03 Sổ bảo hiểm xã hội; 12 Thẻ bảo hiểm y tế; 14 sổ hộ khẩu; 18 bảng thanh toán tiền lương; 05 hình dấu của trường và Ban chấp hành Công đoàn Trường Tiểu học X 2. Trong đó, có lần vào tháng 11/2016, H gặp Trần Công L nói với L là Trường mầm non X 2 bị mưa ngập, hồ sơ của giáo viên bị thất lạc nên nhờ L làm quyết định về việc nâng bậc lương cho giáo viên để lưu hồ sơ. L đồng ý và nói Phạm Hữu Hoàng G là nhân viên làm tại cơ sở của L làm giả cho H. H lấy một quyết định mẫu về việc nâng bậc lương đưa cho G, G đã sử dụng máy tính, máy in tại cơ sở của L làm giả Quyết định về việc nâng bậc lương cho cán bộ, công chức, viên chức số: 185/QĐ- UBND ngày 10/7/2015 tên Nguyễn Thị T có chữ ký của ông Phạm K – Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã S và hình dấu của Ủy ban nhân dân thị xã S rồi in phun màu đưa cho H, L thu tiền công là 4.000 đồng.

H sử dụng các tài liệu làm giả lập 49 bộ hồ sơ xin vay rồi đưa cho 37 người đứng tên vay tiền, trong đó có 13 người vay hai lần. Tùy theo quy định của từng ngân hàng, H gửi hồ sơ xin vay trước để ngân hàng thẩm định hoặc người vay trực tiếp đem hồ sơ đến ngân hàng nộp. Để tránh bị phát hiện, H đi cùng người vay đến ngân hàng và đưa một số thông tin cho người vay học thuộc khi cán bộ ngân hàng hỏi thì trả lời. H và người đứng tên vay tiền thỏa thuận khi ngân hàng đồng ý duyệt cho vay thì ký nhận rồi đưa hết tiền lại cho H. Tùy vào

số tiền vay được H sẽ trả tiền công cho người vay, cụ thể:

Có 35 người đã sử dụng hồ sơ do H lập giả nộp vay tiền tại ngân hàng X gồm: Nguyễn N P 50.000.000 đồng. Nguyễn Thị Mỹ A, Nguyễn Thị Thanh T, Đoàn Thị Thanh N, Lương Thị T, Trương Thị H, Nguyễn Thị Kiều N mỗi người vay 100.000.000 đồng. Nguyễn Thị T Q, Nguyễn Thị N, Lê Thị K mỗi người vay 120.000.000đồng. Lương Thị M, Trần Thị T, Phạm Thị Thanh T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H, Bùi Thị B, Nguyễn Thị D, Phan Thị L, Phan Thị S, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị N, Võ Thị N, Chế Thị X, Trần Thị Nhật L1, Phạm Thị Thùy L2 mỗi người vay 150.000.000 đồng. Lê Thị T S, Dương Thị G, Trần Thị Thu T, Nguyễn Thị Bạch T, Nguyễn Thị H mỗi người vay 180.000.000 đồng. Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T, Cù Thị C, Lê Thị L, Võ Thị G mỗi người vay 200.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền từ ngân hàng có 33/35 người đã đưa lại tiền vay cho H tổng cộng 4.860.000.000 đồng. Riêng Trần Thị Nhật L1, Phạm Thị Thùy L2 đã đồng ý thỏa thuận và cung cấp thông tin để H làm giả hồ sơ cho L2, L1 đứng tên là giáo viên của trường vay tiền theo diện tín chấp nhận tiền đưa lại cho H. Tuy nhiên, vào ngày 30/01/2018, L2 và L1 cùng H đi đến ngân hàng X nộp hồ sơ do H làm giả xin vay tiền và được ngân hàng cho L2 và L1 vay mỗi người số tiền 150.000.000 đồng. Sau khi ký nhận tiền từ ngân hàng L2 và L1 nảy sinh ý định chiếm đoạt nên không đưa lại tiền vay cho H như thỏa thuận. H gặp L2, L1 yêu cầu đưa tiền vay nhưng L2, L1 không đồng ý mà mỗi người đưa cho H 20.000.000 đồng trả công đã làm hồ sơ, số tiền còn lại L2 và L1 chiếm đoạt sử dụng trả nợ.

Có 12 người đã sử dụng hồ sơ do H làm giả nộp vay tiền tại ngân hàng S gồm: Đoàn Thị Thanh N, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị D, Ngô Thị L mỗi người vay 100.000.000 đồng. Nguyễn Thị T, Võ Thị G, Lê Thị T S, Dương Thị G, Phạm Thị Thanh T, Nguyễn Thị H, Lương Thị T, Nguyễn Thị N mỗi người vay 120.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền từ ngân hàng 12 người nêu trên đã đưa lại cho H tổng cộng 1.360.000.000 đồng.

Có 02 người đã sử dụng hồ sơ do H làm giả vay tiền tại ngân hàng Y – C nhánh Phú Yên (Ngân hàng Y) rồi đưa lại cho H là Võ Thị N 150.000.000 đồng và Huỳnh Thị H P 200.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền từ những người đứng tên vay tiền đưa, H đã trả tiền công theo thỏa thuận cho 24/37 người với tổng số tiền 546.300.000 đồng, cụ thể: T 53.500.000 đồng; N 45.000.000 đồng; Dương Thị G 43.000.000 đồng; S 40.000.000 đồng; T 39.000.000 đồng; Võ Thị G 30.500.000 đồng; H, P mỗi người 25.000.000 đồng; T, D mỗi người 22.000.000 đồng; M, T, H, H₍₁₉₇₆₎, X mỗi người 20.000.000 đồng; B 18.800.000 đồng; C 18.500.000 đồng; Nguyễn Thị N 16.000.000 đồng; Đoàn Thị Thanh N 11.000.000 đồng; N, K mỗi người 10.000.000 đồng; H 7.000.000 đồng; L, P mỗi người 5.000.000 đồng. Số tiền còn lại, H sử dụng trả nợ và chi tiêu cá nhân.

Từ năm 2010, Nguyễn Thị Thu M – Kế toán, kiêm văn thư Trường mầm non X 2 được H phân công thu tiền gốc và lãi hàng tháng của các giáo viên đã vay để nộp cho ngân hàng. Tháng 8/2016, M phát hiện danh sách ngân hàng gửi thu hộ nợ có tên nhiều người không phải là giáo viên của trường. M hỏi thì H thừa nhận đã nhờ nhiều người không phải là giáo viên đứng tên vay tiền đưa cho H. Đến tháng 01/2017, M biết H không còn khả năng trả nợ cho các ngân hàng và những người M đã vay cho H, M nói H tuyên bố vỡ nợ nhưng H không đồng ý. H nói M giúp kiếm tiền trả nợ để không làm ảnh hưởng đến uy tín của H. M đồng ý và thống nhất sẽ tìm người giới thiệu cho H làm hồ sơ giả để người đó đứng tên vay tiền đưa H trả nợ. Sau đó, M gặp nói Trương Thị H và Ngô Thị L đứng tên vay tiền cho H, M nói H là Hiệu trưởng, chồng là giáo viên lương cao nên sẽ trả gốc, lãi đầy đủ, nếu vay được tiền H sẽ cho tiền. H và L đồng ý. M đưa số điện thoại của H và L để H liên lạc làm giả hồ sơ. Ngày 19/10/2017, M và L đến ngân hàng S nộp hồ sơ vay 100.000.000 đồng, L ký nhận tiền vay rồi đưa cho M, M đưa cho L 5.000.000 đồng, còn lại M đem đưa cho H, H đưa lại cho M trả nợ cho những người M đã vay đưa cho H. Ngày 03/01/2017, M, H và H đi đến ngân hàng X nộp hồ sơ do H làm giả vay 100.000.000 đồng, H ký nhận tiền rồi đưa lại cho M, M cho H 5.000.000 đồng, số tiền còn lại M đưa cho H. H đưa lại cho M 60.000.000 đồng sử dụng trả nợ cho H. Ngày 04/11/2017, M, H và H đến ngân hàng xin vay lại 100.000.000 đồng, tất toán khoản vay trước, H nhận được 18.500.000 đồng đưa cho M, M đưa cho H 2.000.000 đồng, số còn lại M đem trả nợ cho H.

Đến tháng 01/2018, M nói H đưa 180.000.000 đồng để trả cho chị Nguyễn Thị Hoàng O, là tiền M đã vay đưa cho H trước đó nhưng H nói không có khả năng trả. Do vậy, M và H đã thống nhất việc H ký khống một tờ Phương án sử dụng vốn và cam kết trả nợ đưa cho M và M sẽ tìm người giả giáo viên đứng tên vay lấy tiền trả nợ cho O. Sau đó, M đã gặp nhờ Nguyễn Thị Lệ T giả giáo viên đứng tên vay tiền M sẽ trả công và hứa trả lãi gốc đầy đủ cho ngân hàng. T đồng ý, để lập hồ sơ M đến tiệm photo Khánh L2 gặp nhân viên (không xác định) yêu cầu làm giả Quyết định số 699 ngày 10/01/2018 về việc nâng bậc lương cho cán bộ, công chức, viên chức tên Nguyễn Thị Lệ T có chữ ký của ông Phạm K – Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã S và hình dấu của Ủy ban nhân dân thị xã S. M hướng dẫn T điền thông tin vào tờ Phương án sử dụng vốn và cam kết trả nợ H đã ký đưa cho T. Ngày 29/01/2018, T cùng M đến ngân hàng X nộp hồ sơ vay 150.000.000 đồng đưa lại cho M, M cho T 13.000.000 đồng, số tiền còn lại M đem trả nợ cho chị Nguyễn Thị Hoàng O và thông báo lại cho H biết.

Trong thời gian từ ngày 14/8/2017 đến ngày 13/11/2017, M đã 09 lần cho H vay tiền, tổng số 520.000.000 đồng, mức lãi suất từ 122%/năm đến

365%/năm, tổng số tiền lãi H đã đưa cho M là 170.600.000 đồng, trừ mức tiền lãi 20%/năm do Nhà nước quy định là 14.792.694 đồng.

- Lần 1: M cho H vay 100.000.000 đồng, thời gian vay từ ngày 14/8/2017 đến ngày 29/9/2017, lãi suất 10.000đồng/1triệu đồng/1 ngày tương đương là 365%/năm, số tiền lãi đã nhận là 47.000.000 đồng, lãi suất theo quy định 2.575.342 đồng, thu lợi 44.424.658 đồng.

- Lần 2: M cho H vay 80.000.000 đồng, thời gian vay từ ngày 19/8/2017 đến ngày 29/9/2017, lãi suất 10.000đồng/1triệu đồng/1 ngày tương đương là 365%/năm, tiền lãi đã nhận 41.600.000 đồng, lãi suất theo quy định 2.279.452 đồng, thu lợi 39.320.548 đồng.

- Lần 3: M cho H vay 80.000.000 đồng, thời gian vay từ ngày 16/8/2017 đến ngày 13/11/2017, lãi suất 4.000đồng/1triệu đồng/1ngày tương đương là 146%/năm, tiền lãi đã nhận là 28.800.000 đồng, lãi suất theo quy định 4.000.000 đồng, thu lợi 24.800.000 đồng.

- Lần 4: M cho H vay 40.000.000 đồng, thời gian vay từ ngày 21/8/2017 đến ngày 06/9/2017, lãi suất 10.000đồng/1triệu đồng/1ngày tương đương là 365%/năm, tiền lãi đã nhận là 6.400.000đồng, lãi suất theo quy định 350.685 đồng, thu lợi 6.049.315 đồng.

- Lần 5: M cho H vay 30.000.000 đồng, thời gian vay từ ngày 21/8/2017 đến ngày 19/10/2017, lãi suất 3.333đồng/1triệuđồng/1ngày tương đương là 122%/năm, tiền lãi đã nhận là 6.000.000 đồng, lãi suất theo quy định 1.000.000 đồng, thu lợi 5.000.000 đồng.

- Lần 6: M cho H vay 20.000.000 đồng, thời gian vay từ ngày 25/8/2017 đến ngày 06/9/2017, lãi suất 10.000đồng/1triệu đồng/1ngày tương đương là 365%/năm, tiền lãi đã nhận là 2.400.000 đồng, lãi suất theo quy định 131.577 đồng, thu lợi 2.268.493 đồng.

- Lần 7: M cho H vay 50.000.000 đồng, thời gian vay từ ngày 02/9/2017 đến ngày 01/11/2017, lãi suất 4.000đồng/1triệu đồng/1ngày tương đương là 146%/năm, tiền lãi đã nhận là 12.000.000 đồng, lãi suất theo quy định 1.666.667 đồng, thu lợi 10.333.333 đồng.

- Lần 8: M cho H vay 60.000.000 đồng, thời gian vay từ ngày 05/9/2017 đến ngày 03/11/2017, lãi suất 3.333đồng/1triệu đồng/1ngày tương đương là 122%/năm, tiền lãi đã nhận là 12.000.000 đồng, lãi suất theo quy định 2.000.000 đồng, thu lợi là 10.000.000 đồng.

- Lần 9: M cho H vay 60.000.000 đồng, thời gian vay từ ngày 07/9/2017 đến ngày 29/9/2017, lãi suất 10.000đồng/1triệu đồng/1 ngày tương đương là

365%/năm, tiền lãi đã nhận là 14.400.000 đồng, lãi suất theo quy định 789.041 đồng, thu lợi 13.610.959 đồng.

Tại Kết luận giám định số 119/GĐ-PC09 ngày 08/7/2019; số 65/GĐ-PC09 ngày 30/3/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Yên kết luận: Hình dấu tròn “U.B.N.D thị xã S, tỉnh Phú Yên” và chữ ký tên Phạm K ở mục “Chủ tịch” trên Quyết định số 234/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2016 tên Võ Thị G; Quyết định số 235/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2016 tên Lê Thị L; Quyết định số 535/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2016 tên Cù Thị C; Quyết định số 398/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2016 tên Trần Thị T là hình dấu giả và chữ ký giả, được sao in bằng phương pháp in phun màu.

Tại Kết luận giám định số 64/GĐ-PC09; 65/GĐ-PC09; 66/GĐ-PC09 ngày 30/3/2020; số: 99/GĐ-PC09 ngày 04/5/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Yên kết luận chữ ký tên Phan Thị Thu S tại mục “T/M Ban chấp hành Công đoàn” trong 42 hồ sơ gửi giám định không phải chữ ký, chữ viết của bà Phan Thị Thu S.

Tại Kết luận giám định số 120/GĐ-PC09 ngày 05/6/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Yên xác định: Hình dấu tròn BCH Công đoàn trường Tiểu học X 2; Hình dấu tròn Trường Tiểu học X 2 trên “Đơn xin vay và cam kết trả nợ” đề ngày 10/3/2016, ngày 07/11/2016 và Bảng kê khai thu nhập đề ngày 10/3/2016, tên Nguyễn Kim L là hình dấu giả được làm giả bằng phương pháp sử dụng hình dấu có nội dung “B.C.H Công đoàn Trường Mầm non X 2 và hình dấu Trường Mầm non X 2 tẩy xóa cơ học cụm từ “Mầm non” và sửa chữa lại thành cụm từ “Tiểu học”.

Tại biên bản làm việc ngày 17/02/2020, UBND thị xã S xác định không ban hành 44 Quyết định về việc nâng bậc lương đối với cán bộ, công chức, viên chức cho 38 người có hồ sơ vay nói trên.

Tại Công văn số 101/BHXXH-QLT ngày 20/02/2020 của Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Yên xác định: 07 bản photo thẻ BHYT mã số HC45402101000003 tên Lê Thị T S, Phạm Thị Thanh T, Nguyễn Thị H, Đoàn Thị Thanh N, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị D, Võ Thị G được làm giả từ thẻ BHYT bản gốc do Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Yên cấp cho Nguyễn Thị Lệ H; 05 bản photo thẻ BHYT mã số HC45402101000007 tên Lương Thị T, Nguyễn Thị T, Dương Thị G, Nguyễn Thị N, Ngô Thị L được làm giả từ thẻ BHYT bản gốc do Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Yên cấp cho Lê Thị B C; Sổ BHXH số 3902003502 do Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Yên cấp cho Trần Chí T, Sổ BHXH số 3996017317 do Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Yên cấp cho Chu Thế V, bản photo Sổ BHXH số 3902003502 tên Lê Thị T S, bản photo Sổ BHXH số 3996017317 tên Nguyễn Thị T thì thông tin

cá nhân của người được cấp sổ trên trang 3 là không đúng với sổ do Bảo hiểm xã hội Phú Yên cấp, nội dung từ trang 4 trở đi đã được lấy từ sổ BHXH của một người khác; Bản photo Sổ BHXH số 390200351990 không phải là sổ do Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Yên phát hành.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 27/2020/HS-ST ngày 01/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Thu M phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức”; “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Các bị cáo Phạm Thị Thùy L2, Trần Thị Nhật L1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Các bị cáo Phạm Hữu Hoàng G, Trần Công L phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

1. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm d khoản 2 Điều 341; khoản 2 Điều 201; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 55 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Thu M **03 (Ba) năm 06 (Sáu)** tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; **01 (Một) năm 06 (Sáu)** tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; **06 (Sáu)** tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu M phải chấp hành hình phạt chung của nhiều tội là **05 (Năm) năm 06 (Sáu)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

2. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt:

- Bị cáo Phạm Thị Thùy L2 **01 (Một)** năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

- Bị cáo Trần Thị Nhật L1 **01 (Một)** năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Công L;

Xử phạt:

- Bị cáo Trần Công L **06 (Sáu)** tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

- Bị cáo Phạm Hữu Hoàng G**06 (Sáu)** tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị Lệ H, phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 02/12/2020, bị cáo Phạm Thị Thùy L2 và bị cáo Trần Thị Nhật L1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 04/12/2020, bị cáo Trần Công L có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 08/12/2020, bị cáo Nguyễn Thị Thu M có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 11/12/2020, bị cáo Phạm Hữu Hoàng G có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Thị Thu M, Trần Thị Nhật L1, Phạm Hữu Hoàng G, Trần Công L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bị cáo Nguyễn Thị Thu M, Phạm Hữu Hoàng G xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Trần Thị Nhật L1 xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo; bị cáo Trần Công L xin được hưởng án treo. Bị cáo Phạm Thị Thùy L2 tại đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Thu M, Phạm Hữu Hoàng G và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Công L và chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Trần Thị Nhật L1, Phạm Thị Thùy L2 và sửa bản án sơ thẩm cho bị cáo Trần Công L được hưởng án treo, giảm hình phạt cho các bị cáo Trần Thị Nhật L1, Phạm Thị Thùy L2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về phần thủ tục tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Phạm Thị Thùy L2 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Phạm Thị Thùy L2 có đơn xin hoãn phiên tòa vì lý do đang ở thành phố Hồ Chí Minh vì Covid không về được. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị cáo

Phạm Thị Thùy L2. Xét đây là phiên toà phúc thẩm mở lần thứ 2, việc vắng mặt của bị cáo L2 không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

2. Về phần nội dung: Các bị cáo Nguyễn Thị Thu M, Phạm Thị Thùy L2, Trần Thị Nhật L1, Phạm Hữu Hoàng G, Trần Công L khai nhận tội; đối chiếu thấy phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu nhập tại hồ sơ vụ án; Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Từ tháng 7/2016 đến tháng 2/2018 tại thị xã S, tỉnh Phú Yên, Nguyễn Thị Lệ H đã làm giả 108 tài liệu, hình dấu của cơ quan, tổ chức rồi sử dụng làm giả hồ sơ chiếm đoạt tiền của ngân hàng. Trong đó, Phạm Thị Thùy L2 và Trần Thị Nhật L1 tham gia cùng với H, mỗi người trực tiếp chiếm đoạt 150.000.000 đồng của ngân hàng X. Trần Công L và Phạm Hữu Hoàng G tham gia cùng với H làm giả 01 quyết định về việc nâng bậc lương. Nguyễn Thị Thu M làm giả 01 quyết định về việc nâng bậc lương rồi sử dụng vào việc làm giả hồ sơ vay tiền và cùng H chiếm đoạt 350.000.000 đồng của ngân hàng X và S. Ngoài ra, từ ngày 14/8/2017 đến ngày 13/11/2017, M đã 9 lần cho H vay tiền với lãi suất từ 122%/năm đến 365%/năm thu lợi bất chính 155.807.306 đồng.

Hành vi nêu trên của các bị cáo đã bị Toà án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử Nguyễn Thị Thu M về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo điểm a khoản 3 Điều 174; điểm d khoản 2 Điều 341; khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự; Phạm Thị Thùy L2, Trần Thị Nhật L1 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự; Trần Công L, Phạm Hữu Hoàng G về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 điều 341 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

3. Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, mức độ phạm tội, đồng thời xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt Nguyễn Thị Thu M 03 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 01 năm 06 tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, 06 tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Tổng hợp hình phạt của 3 tội là 05 năm 06 tháng tù; Phạm Thị Thùy L2, Trần Thị Nhật L1 mỗi bị cáo 01 năm tù; Trần Công L, Phạm Hữu Hoàng G mỗi bị cáo 06 tháng tù về các tội danh nói trên là đã chiếu cố giảm nhẹ. Đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu M, Phạm Hữu Hoàng G không có tình tiết giảm nhẹ nào mới. Đối với các bị cáo Phạm Thị Thùy L2, Trần Thị Nhật L1 hoàn cảnh gia đình khó khăn, các bị cáo đều ly hôn chồng,

đang nuôi con nhỏ. Sau khi xử sơ thẩm bị cáo Phạm Thị Thùy L2 đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên số tiền 116.005.000 đồng; bị cáo Trần Thị Nhật L1 đã trả cho ngân hàng X Việt N, chi nhánh Bình Định số tiền 50.000.000 đồng nên chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo L2 và L1 giảm cho các bị cáo một phần hình phạt. Đối với bị cáo Trần Công L tại bản án hình sự sơ thẩm cho rằng bị cáo L đang bị điều tra về hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức trong vụ án khác, nhưng theo bản án số 12/2021/HSST ngày 11/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên thì bị cáo L không có liên quan gì. Xét bị cáo Trần Công L phạm tội một lần, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt. Do đó, chấp nhận quan điểm đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và kháng cáo của bị cáo Trần Công L cho bị cáo L được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục riêng và ngăn ngừa chung.

4. Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Nguyễn Thị Thu M, Phạm Hữu Hoàng G phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Yêu cầu kháng cáo của bị cáo Trần Công L được chấp nhận và kháng cáo của các bị cáo Trần Thị Nhật L1, Phạm Thị Thùy L2 được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Thu M, Phạm Hữu Hoàng G và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Công L, chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Phạm Thị Thùy L2, Trần Thị Nhật L1, sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm d khoản 2 Điều 341; khoản 2 Điều 201; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Thị Thu M 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội ”Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, 06 (sáu) tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Tổng hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu M phải chấp hành hình phạt

chung của 03 tội là 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: - Phạm Thị Thùy L2 09 (chín) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Trần Thị Nhật L1 09 (chín) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Công L.

Xử phạt: - Phạm Hữu Hoàng G 06 (sáu) tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Trần Công L 06 (sáu) tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Trần Công L về Ủy ban nhân dân phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên quản lý giáo dục trong thời gian thử thách án treo.

Trong trường hợp bị cáo Trần Công L thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Trần Công L cố ý vi phạm nghĩa vụ 2 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc Trần Công L phải chấp hành hình phạt tù cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Nguyễn Thị Thu M, Phạm Hữu Hoàng G mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Phạm Thị Thùy L2, Trần Thị Nhật L1, Trần Công L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về phần tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị Lệ H, phần trách nhiệm bồi thường dân sự, phần xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác, phần án phí kể cả phần kiến nghị của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Phú Yên;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Phú Yên;
- Cơ quan CSTHAHS-Công an tỉnh Phú Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Yên;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thanh Liêm